TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày 31-5-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nông Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Thị Phẩm;

2. Bà Vy Thị Thơm.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Vy Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Ông Hứa Thế Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 107/2021/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1964; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Khu 1+2, thị trấn N, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Ông Nông Văn S, sinh năm 1969; nơi đăng ký HKTT: Khu 1+2, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Thôn M (trước đây là thôn N), xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nông Thị T, sinh năm 1988, địa chỉ: Khu 5A, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Chị Nông Thị H, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Anh Nông Văn T, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu 1+2, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Ông Hà Văn Q, sinh năm 1981; vắng mặt.

5. Bà Nông Thị H, sinh năm 1981; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu 1+2, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

6. Bà Lường Thị L, sinh năm 1952; vắng mặt.

7. Ông Lương Xuân H, sinh năm 1952; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 09/11/2021, các lời khai sau đó và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Bà Hoàng Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn, Bà Hoàng Thị C và Ông Nông Văn S không được tìm hiểu nhau nhưng tự nguyện tiến tới hôn nhân do gia đình mai mối. Ngày 27/12/1986, gia đình Bà Hoàng Thị C tổ chức hôn lễ cho ông bà theo phong tục địa phương, thời điểm này Ông Nông Văn S (sinh ngày 02 tháng 10 năm 1969) chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Từ cuối năm 1986 đến nay, Bà Hoàng Thị C và Ông Nông Văn S chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, ông bà xảy ra mâu thuẫn từ năm 1990 do Ông Nông Văn S không tu chí làm ăn, chỉ ham chơi, không chăm lo cho gia đình nên trách nhiệm nuôi dưỡng các con, gánh vác kinh tế gia đình đều do Bà Hoàng Thị C thực hiện. Bà Hoàng Thị C nhiều lần khuyên bảo nhưng Ông Nông Văn S không thay đổi. Khoảng năm 2010 và 2011 thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng khi gia đình bà được Công ty Nhiệt điện N bồi thường về đất làm bãi thải. Ông Nông Văn S đã lấy một phần tiền bồi thường để buôn nhựa thông và có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác cũng đi buôn nhựa thông. Bà Hoàng Thị C đã khuyên nhủ, ngăn cản việc Ông Nông Văn S ngoại tình nhưng Ông Nông Văn S không nghe mà thường xuyên mắng chửi, đánh đập bà. Đến năm 2013-2014, Ông Nông Văn S đi Trung Quốc làm thuê và có quan hệ ngoại tình với chị Sầm Thị V (địa chỉ: Thôn N (nay là thôn M), xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn), mỗi khi về nhà, Ông Nông Văn S lại tiếp tục đánh đập bà. Cùng thời gian này, Công ty Nhiệt điện N lại làm bãi thải và bồi thường cho gia đình bà, Ông Nông Văn S đại diện gia đình tự nhận tiền bồi thường và sử dụng số tiền đó để tạo lập cuộc sống chung với chị Sầm Thị V, cả hai đã có với nhau 01 (một) con chung. Bà Hoàng Thị C xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với Ông Nông Văn S.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung là Nông Thị T, sinh ngày 23/8/1988; Nông Thị H, sinh ngày 27/3/1990 và Nông Văn T, sinh ngày 27/9/1993 đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống từ sau ngày 27/12/1986 đến nay, Bà Hoàng Thị C và Ông Nông Văn S tạo lập được khối tài sản chung bao gồm quyền sử dụng đất, tài sản trên đất tại khu 1+2 và Thôn N, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, 01 xe mô tô có tổng giá trị tài sản chung là 875.598.233 đồng (tám trăm bẩy mươi năm triệu năm trăm chín mươi tám nghìn hai trăm ba mươi ba đồng). Trong đó các thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quy chủ hộ Nông Văn S và Bà Hoàng Thị C. Các con chung là Nông Thị T, Nông Thị H và Nông Văn T không có đóng góp công sức tạo lập, quản lý tài sản chung. Tại phiên

họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 15/4/2022, Bà Hoàng Thị C và Ông Nông Văn S đã tự thỏa thuận phân chia toàn bộ tài sản chung và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này. Cụ thể, Bà Hoàng Thị C được quản lý, sở hữu những tài sản sau: (1) Quyền sử dụng diện tích 450,2 m^2 đất thuộc thửa đất số 468 tờ bản đồ địa chính số 21 thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; hiện trạng sử dụng gồm có 161,3m^2 đất ở đô thị và 288,9m^2 đất trồng cây lâu năm; quy chủ hộ Ông Nông Văn S và Bà Hoàng Thị C; tài sản có trên phần diện tích đất này, bao gồm: Tường rào, 01 nhà cấp IV loại 3C, 01 nhà bếp, 01 nhà kho; 02 cây mác mật đường kính gốc dưới 05cm, 02 cây mận đường kính gốc 02cm-05cm, 01 cây khế đường kính gốc 02cm-05cm, 01 cây mít đường kính gốc 05cm-10cm, 02 cây nhãn đường kính gốc 02cm-05cm, 01 cây chanh đường kính gốc dưới 05cm. (2) Quyền sử dụng một phần thửa đất số 469 tờ bản đồ địa chính số 21 thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, bao gồm các diện tích 4,4 m^2, diện tích 11,8 m^2, diện tích 5,3 m^2; tài sản trên đất là 01 cây bưởi đường kính gốc từ 05cm-10cm. (3) Quyền sử dụng diện tích 27.613m^2 thuộc một phần thửa đất số 490 thuộc tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; tài sản trên phần diện tích đất này bao gồm: 276 cây thông đường kính gốc từ 05cm-10cm, 163 cây thông đường kính gốc từ 10cm-20cm, 06 cây thông đường kính gốc từ 20cm-30cm, 140 cây sa mộc đường kính gốc từ 05cm-10cm, 76 cây sa mộc đường kính gốc từ 10cm-20cm. (4) Quyền sử dụng diện tích 337m^2 thuộc thửa đất số 23 và diện tích 102m^2 thuộc thửa đất số 25 cùng tờ bản đồ địa chính số 22 thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; trên đất không có tài sản gì. Bị đơn Ông Nông Văn S được quyền quản lý, sử dụng, và sở hữu những tài sản sau: (1) Quyền sử dụng diện tích 98,8m^2 đất thuộc thửa đất số 133 tờ bản đồ địa chính số 9d thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; tài sản trên đất gồm có: 01 cây khế đường kính gốc trên 25cm, 01 cây mác mật đường kính gốc 02cm-5cm, 01 cây hồng đường kính gốc 05cm-10cm, 01 cây chè cho khai thác trên 05 năm. (2) 01 xe mô tô nhãn hiệu Hondawave, màu sơn trắng đen xám, biển kiểm soát 12L1-075.23, đăng ký chủ xe Ông Nông Văn S.

Về nợ chung: Thời gian chung sống, ông bà không vay nợ ai.

Về chi phí tố tụng: Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 15/4/2022, Bà Hoàng Thị C và Ông Nông Văn S đã tự nguyện thỏa thuận mỗi người chịu chi phí tố tụng tương ứng với giá trị tài sản được chia. Đề nghị giải quyết án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Ông Nông Văn S trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng, con chung và tài sản chung, nợ chung như Bà Hoàng Thị C trình bày là đúng. Nay, ông xác định không còn tình cảm vợ chồng nên nhất trí ly hôn với Bà Hoàng Thị C. Về các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Nông Văn S đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận chia tài sản chung, nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng như biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 15/4/2022. Ông Nông Văn S yêu cầu được quyền sử dụng, quản lý, sở hữu những tài sản sau: (1) Quyền sử dụng đất diện tích 98,8m^2 thuộc thửa đất số 133 tờ bản đồ địa chính số 9d thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; tài sản trên đất gồm có: 01 cây khế đường kính gốc trên 25cm, 01 cây mác

mật đường kính gốc 02cm-5cm, 01 cây hồng đường kính gốc 05cm-10cm, 01 cây chè cho khai thác trên 05 năm. (2) 01 xe mô tô nhãn hiệu Hondawave, màu sơn trắng đen xám, biển kiểm soát 12L1-075.23 mang tên chủ xe là Ông Nông Văn S. Những tài sản chung còn lại để cho Bà Hoàng Thị C quản lý, sử dụng và sở hữu.

Tại phiên tòa, chị Nông Thị T trình bày chị là con của Ông Nông Văn S và Bà Hoàng Thị C. Quá trình chung sống, bố mẹ chị có nhiều mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Chị cùng ý kiến, yêu cầu với Bà Hoàng Thị C. Bản thân chị không có đóng góp vào tài sản chung của bố mẹ nên không có yêu cầu chia tài sản chung.

Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nông Thị H và anh Nông Văn T là các con của Ông Nông Văn S và Bà Hoàng Thị C đều trình bày không có đóng góp công sức vào việc tạo lập, quản lý tài sản chung của Ông Nông Văn S và Bà Hoàng Thị C, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn Q và bà Nông Thị H trình bày: Năm 2019, ông bà nhận chuyển nhượng hợp pháp quyền sử dụng thửa đất số 469 tờ bản đồ địa chính số 21 thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đo đạc năm 2016 (trước đây là thửa đất số 102 tờ bản đồ địa chính số 21 thị trấn N đo đạc năm 1999-2000). Giữa diện tích đất thuộc thửa 469 do ông bà quản lý, sử dụng và đất của Bà Hoàng Thị C có tường gạch làm ranh giới. Đối với một phần diện tích đất thuộc thửa 469 do gia đình Bà Hoàng Thị C đang quản lý, sử dụng thì ông bà nhất trí để gia đình Bà Hoàng Thị C tiếp tục quản lý, sử dụng và không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lường Thị L và ông Lương Xuân H có ý kiến ông bà đã chuyển nhượng cho Ông Nông Văn S quyền sử dụng đất diện tích 98,8m^2 thuộc thửa đất số 133 tờ bản đồ địa chính số 9d thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và quyền sở hữu tài sản trên đất gồm có: 01 cây khế đường kính gốc trên 25cm, 01 cây mác mật đường kính gốc 02cm-5cm, 01 cây hồng đường kính gốc 05cm-10cm, 01 cây chè cho khai thác trên 05 năm. Nay, ông bà nhất trí để gia đình Ông Nông Văn S quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 133 tờ bản đồ địa chính số 9d thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Tại biên bản xác minh với Công an thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thể hiện thời điểm hộ Ông Nông Văn S và Bà Hoàng Thị C được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quy chủ quản lý, sử dụng đất gồm có các thành viên là Ông Nông Văn S, Bà Hoàng Thị C, chị Nông Thị T, chị Nông Thị H và anh Nông Văn T đang chung sống với nhau.

Tại các biên bản xác minh, Ủy ban nhân dân xã K (nơi Ông Nông Văn S cư trú trước khi kết hôn) và Ủy ban nhân dân thị trấn N (nơi Bà Hoàng Thị C cư trú trước khi kết hôn), huyện L, tỉnh Lạng Sơn đều xác nhận Ông Nông Văn S và Bà Hoàng Thị C không thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, thị trấn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại Công văn số 1167/UBND-TNMT ngày 19/4/2022, UBND huyện L cung cấp thông tin: Các thửa đất số 468 tờ bản đồ địa chính số 21 thị trấn N, thửa đất số 490 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 thị trấn N quy chủ trên sổ mục kê đất đai là hộ Ông Nông Văn S, tài sản trên đất được phép tồn tại, có thể được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình theo quy định của pháp luật.

Tại Công văn số 1020/NĐND-KHĐTVT ngày 25/5/2022 của Công ty Nhiệt điện N –TKV cung cấp thông tin Công ty Nhiệt điện N –TKV chỉ quản lý, sử dụng diện tích 10.288,9 m^2 thể hiện tại bản trích đo địa chính khu đất số 82/TĐBĐ thuộc một phần thửa đất số 685 (trước đây là một phần của thửa đất 490 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 thị trấn N) theo đúng diện tích, vị trí, ranh giới khu đất của dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn phê duyệt. Phần diện tích đất còn lại của thửa đất 490 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 thị trấn N do hộ dân quản lý, sử dụng, Công ty không quản lý và không có tranh chấp.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Ông Nông Văn S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đã được triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ nhất nhưng vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Hoàng Thị C và Ông Nông Văn S có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không còn tình cảm, không quan tâm, yêu thương nhau, sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Tuy nhiên, do hôn nhân của ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận Bà Hoàng Thị C và Ông Nông Văn S là vợ chồng. Về con chung đều đã trưởng thành, các đương sự không ai yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung, nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 5, các Điều 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 15/4/2022. Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Ông Nông Văn S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nông Thị H, anh Nông Văn T, ông Hà Văn Q, bà

Nông Thị H, ông Lương Xuân H, bà Lường Thị L đã được Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ nhất nhưng không có mặt và đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Ông Nông Văn S đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 1+2, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, chỗ ở tại thôn N (nay là thôn M), xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị C và Ông Nông Văn S chung sống như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục từ ngày 27/12/1986 (trước ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực ngày 03/01/1987) nhưng tại thời điểm này Ông Nông Văn S mới trên 17 (mười bảy) tuổi, chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định nên không được công nhận là hôn nhân thực tế. Sau đó, ông bà không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Do vậy, quan hệ giữa Bà Hoàng Thị C và Ông Nông Văn S không được công nhận là vợ chồng và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử không công nhận Bà Hoàng Thị C và Ông Nông Văn S là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà Hoàng Thị C và Ông Nông Văn S có 03 con chung là Nông Thị T, sinh ngày 23/8/1988; Nông Thị H, sinh ngày 27/3/1990 và Nông Văn T, sinh ngày 27/9/1993. Do các con đều đã trên 18 tuổi nên Bà Hoàng Thị C, Ông Nông Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 15/4/2022, Bà Hoàng Thị C và Ông Nông Văn S đã tự nguyện thỏa thuận và thống nhất giải quyết về toàn bộ tài sản chung và đề nghị Tòa án ghi nhận. Tại phiên tòa hôm nay, Bà Hoàng Thị C vẫn đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận này. Tại đơn giải quyết vắng mặt, Ông Nông Văn S tiếp tục đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận này. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của Bà Hoàng Thị C và Ông Nông Văn S về chia tài sản chung là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận, cụ thể như sau:

[6] Tài sản chung của vợ chồng Bà Hoàng Thị C và Ông Nông Văn S bao gồm quyền sử dụng đất, tài sản trên đất tại khu 1+2 và Thôn N, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, 01 xe mô tô có tổng giá trị là 875.598.233 đồng (tám trăm bảy mươi năm triệu năm trăm chín mươi tám nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).

[7] Về quyền quản lý, sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản của nguyên đơn Bà Hoàng Thị C tại khu 1+2, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn: (1)

Nguyên đơn Bà Hoàng Thị C được quyền quản lý, sử dụng diện tích 450,2m^2 đất thuộc thửa đất số 468 tờ bản đồ địa chính số 21 thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; hiện trạng sử dụng gồm có 161,3m^2 đất ở đô thị và 288,9m^2 đất trồng cây lâu năm; quy chủ hộ Ông Nông Văn S và Bà Hoàng Thị C; vị trí tiếp giáp và độ dài các cạnh của thửa đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A1-A2-A3-A4-A6-A17-A8-A10-A11-A12-A13-A14-A15-A16, thể hiện tại Trích đo khu đất kèm theo Bản án; Bà Hoàng Thị C được sở hữu toàn bộ tài sản có trên phần diện tích đất này, bao gồm: Tường rào, 01 nhà cấp IV loại 3C, 01 nhà bếp, 01 nhà kho; 02 cây mác mật đường kính gốc dưới 05cm, 02 cây mận đường kính gốc 02cm-5cm, 01 cây khế đường kính gốc 02cm-05cm, 01 cây mít đường kính gốc 05cm-10cm, 02 cây nhãn đường kính gốc 02cm-05cm, 01 cây chanh đường kính gốc dưới 05cm; giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 375.128.733 đồng (ba trăm bảy mươi năm triệu một trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng). (2) Nguyên đơn Bà Hoàng Thị C có quyền quản lý, sử dụng một phần thửa đất số 469 tờ bản đồ địa chính số 21 thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, bao gồm: Diện tích 4,4 m^2 thuộc một phần thửa đất 469 (ký hiệu thửa tạm số 469.1, được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A4-A5-A6), diện tích 11,8 m^2 thuộc một phần thửa đất 469 (ký hiệu thửa tạm số 469.2, xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A6-A7-A8-A17), diện tích 5,3 m^2 thuộc một phần thửa đất 469 (ký hiệu thửa tạm số 469.3, được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A8-A9-A10); vị trí tiếp giáp và độ dài các cạnh của đất được thể hiện tại Trích đo khu đất kèm theo Bản án; hiện trạng sử dụng: Đất trồng cây lâu năm (ông Hà Văn Q và bà Nông Thị H đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp tại hồ sơ số 000008.CN.001 có xác nhận của Văn phòng đăng ký đất đai huyện L ngày 06/01/2019 thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu CL356607, số vào sổ cấp GCN: CS-00873 ngày 27/3/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn); Bà Hoàng Thị C được sở hữu tài sản trên đất là 01 cây bưởi đường kính gốc từ 05cm-10cm; giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 1.426.500 đồng (một triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm đồng). (3) Nguyên đơn Bà Hoàng Thị C có quyền quản lý, sử dụng diện tích 27.613m^2 thuộc một phần thửa đất số 490 (ký hiệu thửa tạm số 490.1) thuộc tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất; quy chủ hộ Ông Nông Văn S và Bà Hoàng Thị C; vị trí tiếp giáp và độ dài các cạnh của thửa đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A1-A2-A3-A4-A5, thể hiện tại Trích đo khu đất kèm theo Bản án; Bà Hoàng Thị C được sở hữu toàn bộ tài sản trên phần diện tích đất này, bao gồm: 276 cây thông đường kính gốc từ 05cm-10cm, 163 cây thông đường kính gốc từ 10cm-20cm, 06 cây thông đường kính gốc từ 20-30cm, 140 cây sa mộc đường kính gốc từ 5-10cm, 76 cây sa mộc đường kính gốc từ 10cm-20cm; giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 275.933.000 đồng (hai trăm bảy mươi năm triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng). (4) Nguyên đơn Bà Hoàng Thị C có quyền quản lý, sử dụng diện tích 337m^2 thuộc thửa đất số 23 tờ bản đồ địa chính số 22 thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; mục đích sử dụng là đất bằng trồng cây hàng năm khác (ký hiệu BHK); đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu số AH

136276 ngày 03/12/2007 cho hộ Ông Nông Văn S và Hoàng Thị C; vị trí tiếp giáp và độ dài các cạnh của thửa đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A1-A2-A3-A4-A5-A7-A8-A9, thể hiện tại Trích đo khu đất kèm theo Bản án; trên đất không có tài sản gì; giá trị quyền sử dụng đất là 13.480.000 đồng (mười ba triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng). (5) Nguyên đơn Bà Hoàng Thị C có quyền quản lý, sử dụng diện tích 102m^2 thuộc thửa đất số 25 tờ bản đồ địa chính số 22 thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm khác; đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu số AH 136276 ngày 03/12/2007 cho hộ Ông Nông Văn S và Hoàng Thị C; vị trí tiếp giáp và độ dài các cạnh của thửa đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A5-A6-A7, thể hiện tại Trích đo khu đất kèm theo Bản án. Trên đất không có tài sản gì; giá trị quyền sử dụng đất là 4.080.000 đồng (bốn triệu không trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản chung Bà Hoàng Thị C được quản lý, sử dụng và sở hữu là **670.048.233 đồng** (sáu trăm bảy mươi triệu không trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).

[8] Về quyền quản lý, sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản tại Thôn N, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, quyền sở hữu tài sản là động sản của bị đơn Ông Nông Văn S: (1) Bị đơn Ông Nông Văn S có quyền quản lý, sử dụng diện tích 98,8m^2 thuộc thửa đất số 133 tờ bản đồ địa chính số 9d thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; mục đích sử dụng là đất ở đô thị; đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu số BE 459283 ngày 27/10/2014 cho hộ bà Hoàng Thị L và ông Lương Xuân H (thực tế đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Ông Nông Văn S); vị trí tiếp giáp và độ dài các cạnh của thửa đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A1-A2-A3-A4-A5-A6-A7-A8-A9, thể hiện tại Trích đo khu đất kèm theo Bản án; Ông Nông Văn S được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gồm có: 01 cây khế đường kính gốc trên 25cm, 01 cây mác mật đường kính gốc 02cm-05cm, 01 cây hồng đường kính gốc 05cm-10cm, 01 cây chè cho khai thác trên 05 năm; giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 199.550.000 đồng (một trăm chín mươi chín triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng). (2) Bị đơn Ông Nông Văn S được sở hữu 01 xe mô tô nhãn hiệu Hondawave, màu sơn trắng đen xám, biển kiểm soát 12L1-075.23, mang tên chủ xe Nông Văn S có giá trị là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng). Tổng giá trị tài sản chung Ông Nông Văn S được quản lý, sử dụng và sở hữu là **205.550.000 đồng** (hai trăm lẻ năm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

[9] Về nợ chung: Bà Hoàng Thị C và Ông Nông Văn S xác định trong thời gian chung sống không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Hoàng Thị C đã tạm ứng chi tổng cộng số tiền chi phí tố tụng của vụ án là 24.450.000 đồng (hai mươi tư triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), bao gồm: Chi phí đo đạc, trích đo địa chính khu đất là 17.900.000 đồng, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 6.550.000 đồng. Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 15/4/2022, nguyên đơn Bà Hoàng Thị C và bị đơn Ông Nông Văn S đã tự thỏa thuận về nghĩa vụ chịu

chi phí tố tụng và đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này. Cụ thể: Nguyên đơn Bà Hoàng Thị C tự nguyện chịu chi phí tố tụng là 18.710.000 đồng (mười tám triệu bảy trăm mười nghìn đồng) tương ứng với giá trị tài sản được quản lý, sử dụng và sở hữu là 670.048.233 đồng (sáu trăm bảy mươi triệu không trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm ba mươi ba đồng). Bị đơn Ông Nông Văn S tự nguyện chịu chi phí tố tụng là 5.740.000 đồng (năm triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) tương ứng với giá trị tài sản được quản lý, sử dụng và sở hữu là 205.550.000 đồng (hai trăm lẻ năm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng). Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự. Do nguyên đơn Bà Hoàng Thị C đã tạm ứng chi toàn bộ số tiền chi phí tố tụng của vụ án là 24.450.000 đồng (hai mươi tư triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) nên bị đơn Ông Nông Văn S phải hoàn trả cho nguyên đơn Bà Hoàng Thị C số tiền chi phí tố tụng mà nguyên đơn đã tạm ứng là 5.740.000 đồng (năm triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

[11] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, nguyên đơn Bà Hoàng Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn; cả nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản chung được chia.

[12] Xét ý kiến, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 16, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ vào Điều 209, Điều 219, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ vào khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận Bà Hoàng Thị C và Ông Nông Văn S là vợ chồng.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về chia tài sản chung như sau:

2.1. Tài sản chung của Bà Hoàng Thị C và Ông Nông Văn S bao gồm quyền sử dụng đất, tài sản trên đất tại khu 1+2 và Thôn N, thị trấn N, huyện L,

tỉnh Lạng Sơn, 01 xe mô tô có tổng giá trị là 875.598.233 đồng (tám trăm bẩy mươi năm triệu năm trăm chín mươi tám nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).

2.2. Về quyền quản lý, sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản của nguyên đơn Bà Hoàng Thị C tại khu 1+2, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Nguyên đơn Bà Hoàng Thị C được quyền quản lý, sử dụng diện tích 450,2 m^2 đất thuộc thửa đất số 468 tờ bản đồ địa chính số 21 thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; hiện trạng sử dụng gồm có 161,3m^2 đất ở đô thị và 288,9m^2 đất trồng cây lâu năm; quy chủ hộ Ông Nông Văn S và Bà Hoàng Thị C; vị trí tiếp giáp và độ dài các cạnh của thửa đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A1-A2-A3-A4-A6-A17-A8-A10-A11-A12-A13-A14-A15-A16, thể hiện tại Trích đo khu đất kèm theo Bản án; Bà Hoàng Thị C được sở hữu toàn bộ tài sản có trên phần diện tích đất này, bao gồm: Tường rào, 01 nhà cấp IV loại 3C, 01 nhà bếp, 01 nhà kho; 02 cây mác mật đường kính gốc dưới 05cm, 02 cây mận đường kính gốc 02cm-5cm, 01 cây khế đường kính gốc 02cm-05cm, 01 cây mít đường kính gốc 05cm-10cm, 02 cây nhãn đường kính gốc 02cm-05cm, 01 cây chanh đường kính gốc dưới 05cm; giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 375.128.733 đồng (ba trăm bảy mươi năm triệu một trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng).

Nguyên đơn Bà Hoàng Thị C có quyền quản lý, sử dụng một phần thửa đất số 469 tờ bản đồ địa chính số 21 thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, bao gồm: Diện tích 4,4 m^2 thuộc một phần thửa đất 469 (ký hiệu thửa tạm số 469.1, được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A4-A5-A6), diện tích 11,8 m^2 thuộc một phần thửa đất 469 (ký hiệu thửa tạm số 469.2, xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A6-A7-A8-A17), diện tích 5,3 m^2 thuộc một phần thửa đất 469 (ký hiệu thửa tạm số 469.3, được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A8-A9-A10); vị trí tiếp giáp và độ dài các cạnh của đất được thể hiện tại Trích đo khu đất kèm theo Bản án; hiện trạng sử dụng: Đất trồng cây lâu năm (ông Hà Văn Q và bà Nông Thị H đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp tại hồ sơ số 000008.CN.001 có xác nhận của Văn phòng đăng ký đất đai huyện L ngày 06/01/2019 thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu CL356607, số vào sổ cập GCN: CS-00873 ngày 27/3/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn); Bà Hoàng Thị C được sở hữu tài sản trên đất là 01 cây bưởi đường kính gốc từ 05cm-10cm; giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 1.426.500 đồng (một triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

Nguyên đơn Bà Hoàng Thị C có quyền quản lý, sử dụng diện tích 27.613m^2 thuộc một phần thửa đất số 490 (ký hiệu thửa tạm số 490.1) thuộc tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất; quy chủ hộ Ông Nông Văn S và Bà Hoàng Thị C; vị trí tiếp giáp và độ dài các cạnh của thửa đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A1-A2-A3-A4-A5, thể hiện tại Trích đo khu đất kèm theo Bản án; Bà Hoàng Thị C được sở hữu toàn bộ tài sản trên phần diện tích đất này, bao gồm: 276 cây thông đường kính gốc từ 05cm-10cm, 163 cây thông đường kính gốc từ 10cm-20cm, 06 cây thông đường kính gốc từ 20-30cm, 140 cây sa mộc

đường kính gốc từ 5-10cm, 76 cây sa mộc đường kính gốc từ 10cm-20cm; giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 275.933.000 đồng (hai trăm bảy mươi năm triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Nguyên đơn Bà Hoàng Thị C có quyền quản lý, sử dụng diện tích 337m^2 thuộc thửa đất số 23 tờ bản đồ địa chính số 22 thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; mục đích sử dụng là đất bằng trồng cây hàng năm khác (ký hiệu BHK); đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu số AH 136276 ngày 03/12/2007 cho hộ Ông Nông Văn S và Hoàng Thị C; vị trí tiếp giáp và độ dài các cạnh của thửa đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A1-A2-A3-A4-A5-A7-A8-A9, thể hiện tại Trích đo khu đất kèm theo Bản án; trên đất không có tài sản gì; giá trị quyền sử dụng đất là 13.480.000 đồng (mười ba triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn Bà Hoàng Thị C có quyền quản lý, sử dụng diện tích 102m^2 thuộc thửa đất số 25 tờ bản đồ địa chính số 22 thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm khác; đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu số AH 136276 ngày 03/12/2007 cho hộ Ông Nông Văn S và Hoàng Thị C; vị trí tiếp giáp và độ dài các cạnh của thửa đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A5-A6-A7, thể hiện tại Trích đo khu đất kèm theo Bản án. Trên đất không có tài sản gì; giá trị quyền sử dụng đất là 4.080.000 đồng (bốn triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản chung Bà Hoàng Thị C được quản lý, sử dụng và sở hữu là **670.048.233 đồng** (sáu trăm bảy mươi triệu không trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).

2.3. Về quyền quản lý, sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản tại Thôn N, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, quyền sở hữu tài sản là động sản của bị đơn Ông Nông Văn S .

Bị đơn Ông Nông Văn S có quyền quản lý, sử dụng diện tích 98,8m^2 thuộc thửa đất số 133 tờ bản đồ địa chính số 9d thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; mục đích sử dụng là đất ở đô thị; đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu số BE 459283 ngày 27/10/2014 cho hộ bà Hoàng Thị L và ông Lương Xuân H (thực tế đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Ông Nông Văn S); vị trí tiếp giáp và độ dài các cạnh của thửa đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A1-A2-A3-A4-A5-A6-A7-A8-A9, thể hiện tại Trích đo khu đất kèm theo Bản án; Ông Nông Văn S được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gồm có: 01 cây khế đường kính gốc trên 25cm, 01 cây mác mật đường kính gốc 02cm-5cm, 01 cây hồng đường kính gốc 05cm-10cm, 01 cây chè cho khai thác trên 05 năm; giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 199.550.000 đồng (một trăm chín mươi chín triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị đơn Ông Nông Văn S được sở hữu 01 xe mô tô nhãn hiệu Hondawave, màu sơn trắng đen xám, biển kiểm soát 12L1-075.23, mang tên chủ xe Nông Văn S có giá trị là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Tổng giá trị tài sản chung Ông Nông Văn S được quản lý, sử dụng và sở hữu là **205.550.000 đồng** (hai trăm lẻ năm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

2.4. Bà Hoàng Thị C, Ông Nông Văn S, ông Hà Văn Q, bà Nông Thị H, ông Lương Xuân H và bà Lường Thị L có nghĩa vụ đăng ký, kê khai đất đai, đăng ký biến động đất đai theo quy định.

3. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng. Nguyên đơn Bà Hoàng Thị C tự nguyện chịu 18.710.000 đồng (mười tám triệu bảy trăm mười nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và trích đo khu đất tranh chấp; xác nhận Bà Hoàng Thị C đã nộp đủ. Bị đơn Ông Nông Văn S tự nguyện chịu 5.740.000 đồng (năm triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và trích đo khu đất tranh chấp; bị đơn Ông Nông Văn S phải hoàn trả cho nguyên đơn Bà Hoàng Thị C tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và trích đo khu đất tranh chấp là 5.740.000 đồng (năm triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

4. Về án phí:

4.1. Nguyên đơn Bà Hoàng Thị C phải chịu tổng số tiền án phí là 15.701.000 đồng (mười năm triệu bảy trăm linh một nghìn đồng) để nộp ngân sách nhà nước, bao gồm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 15.401.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Bà Hoàng Thị C đã nộp là 5.300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005050 ngày 03/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Bà Hoàng Thị C còn phải nộp số tiền án phí là 10.401.000 đồng (mười triệu bốn trăm linh một nghìn đồng).

4.2. Ông Nông Văn S phải chịu số tiền 5.139.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để nộp ngân sách nhà nước.

5. Nghĩa vụ chịu lãi suất chậm trả: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND thị trấn N và UBND xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Huyền Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Huyền Trang

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND thị trấn N và UBND xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Huyền Trang